TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 02 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 454/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Viết S; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi làm việc: Nhà máy Z (địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng, không có khả năng khắc phục. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, việc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S thuận tình ly hôn là có căn cứ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S có 01 con chung Nguyễn Minh N - sinh ngày 14 tháng 6 năm 2014. Ly hôn, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S thỏa thuận, chị T trực tiếp nuôi con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Xét thấy quan điểm của các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S thỏa thuận chị Trần Thị T chịu cả lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xét thấy, quan điểm của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S.

- Về con chung: Chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh N – sinh ngày 14 tháng 6 năm 2014; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con tính từ Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Viết S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T nộp cả 300.000đ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, chị Trần Thị T đã nộp 300.000đ tạm ứng lệ phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004011 ngày 25 tháng 12 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Duy Thạch